

Bản án số: 60 /2020/HCPT

Ngày 14/5/2020

*“V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên - T9 ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 422/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2019 “V/v khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2827/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nông Ngọc N, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Thôn PL, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn (có mặt).

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là ông Đinh Công T - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn (có mặt).

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Chủ tịch UBND) tỉnh Lạng Sơn;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc T1 - Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ T T2 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt).

2. Chủ tịch UBND huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn: Ông Vũ Đức T3 (vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn là bà Lê Thị H - Chuyên viên Phòng quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Nông Ngọc A, sinh năm 2012.

2. Cháu Nông Tuấn T4, sinh năm 2017.

Đại diện hợp pháp của các cháu Nông Ngọc A, Nông Tuấn T4: Anh Nông Văn T5. Cùng địa chỉ: Thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn là bố của cháu Nông Ngọc A, cháu Nông Tuấn T4.

3. Cháu Nông Thị Hồng L, sinh năm 2006;

Đại diện hợp pháp của cháu Nông Thị Hồng L: Anh Nông Văn H. Cùng địa chỉ: Thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn là bố của cháu Nông Thị Hồng L.

4. Cháu Nông Thị Thanh T6, sinh năm 2016;

Đại diện hợp pháp bà Nông Thị C. Cùng địa chỉ: Thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn.

5. Cháu Nông Thị D, sinh năm 2006.

6. Cháu Nông Thị Q, sinh năm 2010.

Đại diện hợp pháp của các cháu Nông Thị D, Nông Thị Q: Anh Nông Văn T7. Cùng địa chỉ: Thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn là bố của cháu Nông Thị D, Nông Thị Q.

7. Cháu Nông Văn T8, sinh năm 2004.

Đại diện hợp pháp của cháu Nông Văn T8: Anh Nông Văn T9. Cùng địa chỉ: Thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn là bố của cháu Nông Văn T8.

8. Cháu Nông T Đ, sinh năm 2010.

9. Cháu Nông Minh T9, sinh năm 2012.

Đại diện hợp pháp của các cháu Nông T Đ, Nông Minh T9: Anh Nông Văn T10. Cùng địa chỉ: Thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn là bố của cháu Nông T14 Đ, cháu Nông Minh T9; vắng mặt.

10. Ông Nông T11 tức H1.

11. Bà Hoàng Thị P.

12. Ông Nguyễn Mạnh Q1.

13. Bà Nông Thị C.

14. Ông Nông Văn T9.

15. Ông Nông Văn H2.

16. Bà Bé Thị T11.

17. Ông Nông Văn H.

18. Ông Nông Văn H3.

19. Ông Nông Văn H4.
 20. Bà Nông Thị H5.
 21. Ông Nông Quốc Q2.
 22. Bà Vũ Thị M.
 23. Ông Nông Văn H6.
 24. Bà Nông Thị S.
 25. Ông Nông Văn M1.
 26. Bà Nông Thị Đ1.
 27. Ông Nông Văn T12.
 28. Ông Nông Văn T7.
 29. Bà Nông Thị T13.
 30. Ông Nông Văn H6.
 31. Ông Nông Văn Đ3.
 32. Chị Nông Thị H7.
 33. Anh Nông Văn T14.
 34. Bà Đàm Thị Ch.
 35. Bà Chu Thị H8.
 36. Bà Hoàng Thị Ng.
 37. Ông Nông Văn H9.
 38. Bà Nguyễn Thị Hồng.
 39. Ông Nông Văn Ch.
 40. Ông Nông Văn T.
 41. Bà Hoàng Thị M1.
 42. Ông Nông Văn T5.
 43. Bà Đinh Thị K.
 44. Bà Mã Thị B1.
 45. Anh Nông Văn T15.
 46. Anh Nông Văn H11.
 47. Chị Nông Thị H12.
 48. Anh Nông Văn T10.
 49. Chị Bé Thị U.
 50. Bà Chu Thị H8.
 51. Ông Nông Văn B2.
- Đều có cùng địa chỉ tại: Thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn.
52. Anh Nông Xuân T16.

53. Anh Nông Văn C2.

54. Chị Nguyễn Thị Ng1.

55. Anh Nông Văn K2.

56. Chị Hoàng Thị Vân A2.

57. Cháu Nông Khánh L2, sinh năm 2010;

Đại diện hợp pháp cháu Nông Khánh L2: Anh Nông Xuân T16 là bố của cháu Nông Khánh L2.

Cùng có địa chỉ tại: Thôn PL, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn.

58. Ông Nông Văn V1.

59. Bà Trần Thị L3.

60. Anh Nông Trần H13.

Cùng địa chỉ: Số nhà 21, ngõ 3 TQK, phường CL, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền của những người trên là ông Nông Ngọc N; địa chỉ tại: Thôn PL, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền vào các ngày 09-4-2019, 20-5-2019, 28-5-2019 và ngày 14-6-2019).

61. Bà Hoàng Thị Nh;

Địa chỉ: Thôn PL, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn.

62. Chị Nông Thị D3.

63. Anh Nông Văn D4.

64. Chị Nông Thị D.

65. Anh Nông Văn Tr.

66. Anh Nông Văn Nh3.

67. Anh Nông Đức H5.

68. Anh Nông Văn Kh.

69. Chị Nông Thị V3.

70. Chị Nông Thị H14.

71. Anh Nông Văn B1.

Cùng địa chỉ: Thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn.

72. Anh Nông Trần H15.

73. Anh Nông Tiến Hiệp.

Cùng địa chỉ: Số nhà 21, ngõ 3 TQK, phường CL, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn.

74. Ông Nông Xuân Ch3.

75. Bà Lương Hồng V4.

76. Anh Nông Lương D5.

77. Cháu Nông Ngọc M3, sinh năm 2012.

Cùng địa chỉ: Thôn Nà Trại, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nông Ngọc M3 là ông Nông Xuân Ch3; địa chỉ: Thôn NT, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn là bố của cháu Nông Ngọc M3.

78. Ông Đoàn Văn D6;

79. Bà Nguyễn Thị D7;

Cùng địa chỉ: Thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-12-2018, các đơn khởi kiện bổ sung và các bản khai, người khởi kiện là ông Nông Ngọc N trình bày:

Dòng họ Nông ở Bó Chà do ông Nông T11 là người đại diện và ông Đoàn Văn D6 tranh chấp với nhau về quyền sử dụng 1.514,10 m² đất thuộc một phần thửa đất số 782, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02, xã TP tỷ lệ 1/10.000 và một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ địa chính số 66, xã TP đo đạc năm 2012 thuộc thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đất tranh chấp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), trên đất có các cây xua, cây mận, cây quýt, cây tre, cây nhãn do gia đình ông Đoàn Văn D6 trồng, các đương sự không có tranh chấp về tài sản gắn liền với đất và không yêu cầu UBND các cấp cũng như Tòa án các cấp giải quyết về tài sản gắn liền với đất.

Tranh chấp đất đai giữa dòng họ Nông và ông Đoàn Văn D6 đã được Chủ tịch UBND huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn giải quyết tại Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 15-6-2016 (gọi, viết tắt là Quyết định số 1708). Tuy nhiên, ngày 09-9-2016, Chủ tịch UBND huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 3171/QĐ-UBND (gọi, viết tắt là Quyết định số 3171), thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1708, đồng thời giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện hướng dẫn UBND xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn tổ chức giải quyết lại vụ việc theo quy định của pháp luật. Ngày 02-02-2018, Chủ tịch UBND huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 253/QĐ-UBND (viết, gọi tắt là Quyết định số 253) về việc giải quyết đơn của ông Nông T11 trú tại thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn, với nội dung bác đơn của ông Nông T11 là người đại diện họ Nông Bó Chà, thôn KQ, xã TP, công nhận ông Đoàn Văn D6 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.514,1 m² đất tại địa danh Đông Slèo thuộc thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 15-3-2018, ông Nông T11 khiếu nại Quyết định số 253. Sau khi xem xét đơn của ông Nông T11, trên cơ sở kết quả xác minh nội dung khiếu nại và kết quả đối thoại với ông Nông T11, ngày 06-11-2018, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 2269/QĐ-UBND (viết, gọi tắt là Quyết định số 2269) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nông T11 trú tại thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn, với nội dung công nhận nội dung giải quyết tại Quyết định số 253 là đúng quy định; bác đơn khiếu nại của ông Nông T11 đại diện cho 17 hộ gia đình họ Nông trú tại xóm Bó Chà, thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn.

Về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp ông Nông Ngọc N cho rằng: Diện tích 1.514,1 m² đất có tranh chấp là đất nghĩa địa, có nguồn gốc do ông cha của dòng họ Nông để lại đã trên 300 năm, dòng họ Nông không có giấy tờ gì của ông cha để lại về mảnh đất này. Từ năm 1956 đến khi xảy ra tranh chấp, toàn bộ diện tích đất đó dòng họ Nông chỉ dùng để chôn cất những người có uy tín trong dòng họ sau khi được sự đồng ý của dòng họ, nếu dòng họ không đồng ý thì người chết của dòng họ được chôn ở các khu vực nghĩa địa của các gia đình, không liên quan đến diện tích đất tranh chấp; dòng họ Nông không canh tác, không trồng cây gì trên đất. Năm 1979, ông Nguyễn Văn V4 thông gia với dòng họ Nông hỏi mượn toàn bộ diện tích đất trên để trồng ngô, trồng đỗ, không trồng cây vào phần đất có 05 ngôi mộ của dòng họ Nông đã chôn cất trên đất; ông Nguyễn Văn V4 mượn đất chỉ bằng lời nói miệng không có giấy tờ gì. Năm 1995, dòng họ đã di chuyển 03 ngôi mộ ra khỏi diện tích đất tranh chấp về nghĩa địa của các gia đình. Khoảng năm 1996, ông Nguyễn Văn V4 bị tai nạn chết nên gia đình ông Nguyễn Văn V4 không trồng cây trên diện tích đất đó nữa. Năm 1998, ông Đoàn Văn D6 tự ý san ủi diện tích đất trống và trồng cây trên đất; dòng họ Nông có nhắc nhở bằng miệng nhiều lần không cho sử dụng nhưng ông Đoàn Văn D6 không thực hiện. Năm 2012, dòng họ cử đại diện tiếp tục đến nhắc nhở bằng miệng, không cho ông Đoàn Văn D6 trồng trọt làm ảnh hưởng đến 02 ngôi mộ tổ đã có trên đất nhưng ông Đoàn Văn D6 không nhất trí. Kết hợp với kế hoạch có từ trước, vào đầu năm 2013, dòng họ Nông đã di chuyển nốt 02 ngôi mộ tổ được chôn trên 300 năm trên diện tích đất này chuyển sang khu nghĩa địa đã quy tụ các ngôi mộ tổ khác ở gần đó. Diện tích đất quy tụ các ngôi mộ tổ hiện nay khoảng 500 m², trên đất có 13 ngôi mộ của dòng họ. Diện tích đất này ở gần diện tích đất đang tranh chấp. Ngoài ra, sát liền kề diện tích đất tranh chấp, dòng họ Nông còn có một khu nghĩa địa rộng 96 m², hiện trên đó có một số ngôi mộ của dòng họ, phần diện tích đất này không có tranh chấp.

Năm 2013, do thực hiện di chuyển 02 ngôi mộ tổ, dòng họ Nông có làm ảnh hưởng đến H12 màu, cây trồng trên đất của ông Đoàn Văn D6. Sự việc này đã được chính quyền giải quyết, đại diện dòng họ Nông đã bồi thường cho ông Đoàn Văn D6 số tiền 3.600.000 đồng. Sau đó, đại diện dòng họ đã làm đơn đề nghị các cấp chính quyền giải quyết tranh chấp đất đai với ông Đoàn Văn D6. Dòng họ Nông khẳng định diện tích đất tranh chấp không phải đất nông nghiệp, không phải đất trồng cây hàng năm khác mà là đất nghĩa địa; UBND các cấp giao đất cho ông Đoàn Văn D6 là không đúng, dòng họ Nông đã sử dụng diện tích đất này trên 300 năm. Theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai thì dòng họ Nông là người quản lý, sử dụng ổn định đất tranh chấp chứ không phải ông Đoàn Văn D6, vì từ năm 1998 ông Đoàn Văn D6 mới vào sử dụng đất, việc sử dụng này không được sự đồng ý của dòng họ Nông. Trong quá trình sử dụng đất, dòng họ Nông đã nhiều lần nhắc nhở ông Đoàn Văn D6 về việc sử dụng bất hợp pháp này. Từ năm 2013, dòng họ Nông đã khởi kiện ông Đoàn Văn D6 ở nhiều cấp, nhiều ngành. Điều đó chứng tỏ ông Đoàn Văn D6 sử dụng đất không ổn định, không có căn cứ giao đất cho ông Đoàn Văn D6.

Là thành viên của dòng họ, được nhiều người trong dòng họ nhất trí nên ông Nông Ngọc N làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 02-02-2018 của Chủ tịch UBND huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 06-11-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

Lạng Sơn. Ông Nông Ngọc N xác định rõ những người trong dòng họ Nông bị ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp trong vụ án này đã được Tòa án triệu tập đầy đủ.

Với tư cách là người được ủy quyền, ông Nông Ngọc N vẫn giữ ngU những ý kiến đã trình bày ở trên.

** Người bị kiện trong quá trình giải quyết vụ án là Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn trình bày:*

Khu đất hai bên tranh chấp có diện tích 1514,10 m² chưa được cấp GCNQSDĐ. Qua xác minh cho thấy từ năm 1959 trở về trước, đất tranh chấp là do bố mẹ ông Nông T11 sử dụng để trồng cây hàng năm, sau năm 1959 sử dụng để chôn người chết. Từ năm 1959 đến đầu năm 2013, trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp chỉ có 05 ngôi mộ (năm 1995, đã di chuyển 03 ngôi; đầu năm 2013, di chuyển 02 ngôi mộ còn lại), gia đình ông Nông T11 và những người trong dòng họ Nông không canh tác trên khu đất này từ năm 1959 đến nay. Khoảng năm 1979, ông Nguyễn Văn V4 canh tác vài năm thì bỏ hoang (năm 1996 ông Nguyễn Văn V4 chết). Ông Đoàn Văn D6 cho rằng đã sử dụng khu đất tranh chấp từ năm 1986, đến năm 1996 thì ông Đoàn Văn D6 trồng cây lâu năm, nhưng khoảng thời gian sử dụng đất này của ông Đoàn Văn D6 chỉ được một số người xác nhận, còn lại những người được xác minh là những người cao tuổi, có uy tín, công dân trong thôn KQ đều xác nhận ông Đoàn Văn D6 sử dụng đất từ khoảng năm 1998 đến nay. Chính ông Nông T11 (đại diện dòng họ Nông) cũng thừa nhận: Ông Đoàn Văn D6 sử dụng khu đất tranh chấp từ năm 1998 và ông Nông T11 không canh tác, sử dụng khu đất tranh chấp từ năm 1959, chỉ khi có người có uy tín của dòng họ Nông chết, được sự nhất trí của dòng họ thì mới được chôn cất tại diện tích đất này. Năm 2013, dòng họ Nông di chuyển 2 ngôi mộ tổ ra khỏi khu đất, trong quá trình di chuyển người của dòng họ Nông đã phá hoại vườn ngô và chặt các cây ăn quả của gia đình ông Đoàn Văn D6, sự việc này đã được chính quyền địa phương lập biên bản. Sau đó, đại diện dòng họ Nông đã phải bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại trên đất cho gia đình ông Đoàn Văn D6. Như vậy, gia đình ông Đoàn Văn D6 có quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1998 đến nay. Căn cứ khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trường hợp ông Đoàn Văn D6 đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất. Việc ông Nông T11 đại diện cho 17 hộ gia đình dòng họ Nông tranh chấp đòi quyền sử dụng đất là không có cơ sở bởi không có quá trình sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 06-11-2018 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, hình thức, nội dung quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết, trên đất tranh chấp có các cây trồng do gia đình ông Đoàn Văn D6 trồng như cây xua, cây mạn, cây quýt, cây tre, cây nhãn. Tuy nhiên, các bên tranh chấp đều khẳng định không có tranh chấp về tài sản gắn liền với đất và không yêu cầu UBND các cấp giải quyết về tài sản gắn liền với đất. Do đó, Chủ tịch tỉnh Lạng Sơn không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 2269/QĐ-UBND mà người khởi kiện đưa ra; đề nghị Toà án xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc N.

- Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn xác định Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 02-02-2018 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, hình thức; nội

dung quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết, xác định rõ đất tranh chấp chưa có GCNQSDĐ, trên đất tranh chấp không còn có ngôi mộ nào của dòng họ Nông, chỉ có các cây trồng do gia đình ông Đoàn Văn D6 trồng như cây xua, cây mận, cây quýt, cây tre, cây nhãn. Tuy nhiên, các bên tranh chấp đều khẳng định không có tranh chấp về tài sản gắn liền với đất và không yêu cầu UBND giải quyết về tài sản gắn liền với đất. Do đó, Chủ tịch UBND huyện TĐ không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 253/QĐ-UBND mà người khởi kiện đưa ra; đề nghị Tòa án xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc N.

** Ông Đoàn Văn D6 và bà Nguyễn Thị D7 trình bày:*

Trước năm 1979, toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp và phần diện tích 96 m² đất trên đó có một số ngôi mộ (phần đất này hiện không có tranh chấp) gia đình thấy ông Nguyễn Văn V4 là người quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng trước đó của ông Nguyễn Văn V4 như thế nào gia đình không nắm được. Từ năm 1979, ông Nguyễn Văn V4 đã không quản lý sử dụng mà bỏ hoang diện tích đất đó. Thấy đất bỏ hoang nhiều năm không ai canh tác nên năm 1986 gia đình đã đến khai phá và sử dụng khu đất này. Khi đó, trên đất tranh chấp có vài ngôi mộ của dòng họ Nông, gia đình sử dụng đất không làm ảnh hưởng đến các ngôi mộ. Sau một thời gian trồng ngô, thấy một phần diện tích đất phía trên quá cần cỗi, canh tác không hiệu quả nên năm 1998 gia đình chuyển sang trồng cây ăn quả như cây xua, cây mận ..., phần đất phía dưới còn lại có diện tích trên 700 m² nơi có các ngôi mộ của dòng họ Nông thì gia đình vẫn canh tác trồng ngô. Việc tiếp tục trồng ngô không ảnh hưởng đến các ngôi mộ này. Trong suốt quá trình quản lý, sử dụng đất từ năm 1986 đến trước ngày 03-4-2013, gia đình không có tranh chấp với ai, các thành viên trong dòng họ Nông cũng không ai có ý kiến gì. Khi dòng họ Nông di chuyển 2 ngôi mộ trên đất tranh chấp vào ngày 03-4-2013 thì mới xảy ra tranh chấp với gia đình. Khi đó, người của dòng họ Nông đã dẫm nát, nhổ bỏ các cây ngô trên phần diện tích đất phía dưới. Gia đình đã thông báo sự việc trên với cấp có thẩm quyền và sự việc này đã được chính quyền lập biên bản nH9 chưa giải quyết gì về trách nhiệm bồi T9ờng thì ngày 07-4-2013 người của dòng họ Nông lại tiếp tục kéo nhau đến chặt phá cây ăn quả ở phần đất phía trên, cụ thể chặt các cây mận, cây nhãn, cây chanh. Sự việc tiếp tục được chính quyền địa phương lập biên bản. Trên cơ sở T5 làng, nghĩa xóm nên gia đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về giá trị các cây ngô, không bồi thường thiệt hại giá trị các cây ăn quả và đại diện dòng họ Nông, cụ thể là Nông Văn Q2 đã bồi T9ờng cho gia đình số tiền là 3.000.000 đồng. Sau đó, gia đình vẫn tiếp tục trồng ngô, quản lý, sử dụng cây trên đất tranh chấp, còn dòng họ Nông làm đơn khởi kiện gia đình yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai. Qua điều tra xác minh, trên cơ sở các quy định của pháp luật về đất đai mà Chủ tịch UBND huyện TĐ, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn đã công nhận cho gia đình được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Hiện đất tranh chấp chưa có GCNQSDĐ, trên đất có các cây xua, cây mận, cây quýt, cây tre, cây nhãn do gia đình trồng, các bên không có tranh chấp về tài sản gắn liền với đất và không yêu cầu UBND các cấp cũng như Tòa án các cấp giải quyết về tài sản gắn liền với đất. Gia đình đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của dòng họ Nông do ông Nông Ngọc N làm đại diện vì không có căn cứ pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, nhưng không thực hiện được vì Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện TĐ quá bận công tác nên không thể có mặt để tham gia.

Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 11/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 157, 158, 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 14 Điều 22, khoản 2 Điều 101, Điều 202, Điều 203 và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 5 Điều 20, Điều 21, khoản 3, khoản 4 Điều 61, Điều 88, Điều 89, khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc N yêu cầu hủy Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 02-02-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết đơn của ông Nông T11 trú tại thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 06-11-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nông T11 trú tại thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn, vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/10 và 24/10/2019, người khởi kiện kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Khu đất tranh chấp được dòng họ Nông sử dụng để làm nơi chôn cất những người trong dòng họ đã tồn tại trên 300 năm nay. Tòa án cũng như chính quyền cho rằng dòng họ không sử dụng là không đúng; khi gia đình anh D6 vào sử dụng khu đất này là trên cơ sở dòng họ cho anh D6 mượn canh tác; việc di dời các ngôi mộ của dòng họ ra vị trí khác là nhằm mục đích quy hoạch các ngôi mộ chứ không phải di dời để cho anh D6 sử dụng đất. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của dòng họ, buộc anh D6 phải trả lại đất cho dòng họ để dòng họ làm nơi chôn cất người của dòng họ khi họ qua đời.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có ý kiến: Đề nghị Tòa án cân nhắc thửa đất thứ 2 có tranh chấp hiện đang có một số ngôi mộ của dòng họ Nông để giao cho dòng họ Nông toàn bộ khu đất tranh chấp.

- Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông D6 mặc dù không có mặt tại phiên tòa nhưng có đơn thể hiện quan điểm là đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến đánh giá việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm là đúng pháp luật. Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy: Căn cứ vào nội dung khởi kiện của người khởi kiện thì Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Xét về nội dung: Thực tế trên khu đất tranh chấp, ngoài việc có 05 ngôi mộ của dòng họ Nông nhưng đã được di dời thì dòng họ Nông không sử dụng đất vào mục đích nào khác; đất hoàn toàn không có giấy tờ gì, chưa có GCNQSDĐ; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định ông D6 sử dụng đất từ năm 1998 đến năm 2013 thì xảy ra tranh chấp nhưng tranh chấp là để dòng họ làm nghĩa địa chứ dòng họ Nông không có nhu cầu sử dụng đất để canh tác, trồng trọt... nên không có căn cứ để giao đất cho dòng họ Nông. Ngoài ra, nếu diện tích đất nêu trên trước đây có giao cho dòng họ Nông thì cũng sẽ bị thu hồi theo quy định tại Điều 64 Luật đất đai. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe các ý kiến trình bày của người khởi kiện, xét quan điểm của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quyết định số 253 và Quyết định số 2269 là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (cụ thể đó là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại) quy định tại khoản 14 Điều 22 của Luật Đất đai năm 2013, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

Ngày 02-02-2018, Chủ tịch UBND huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 253 và ngày 06-11-2018, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 2269 về việc giải quyết đơn của ông Nông T11 trú tại thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn. Cho rằng các quyết định trên ban hành trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của dòng họ Nông (trong đó có ông Nông Ngọc N) nên ngày 06-12-2018, ông Nông Ngọc N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn yêu cầu hủy các quyết định nói trên là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện có đơn kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn và đúng theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

Tổng diện tích đất đang có tranh chấp là 1.514,10 m², gồm 02 khu đất:

Khu thứ nhất có diện tích 777,2 m², là đất trồng cây hàng năm, thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ địa chính số 66, xã TP, đo đạc năm 2012, được quy chủ sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn D6 (theo Phiếu giao nhận diện tích lập có xác nhận của UBND xã TP ngày 09-7-2013). Hiện trạng ông Đoàn Văn D6 trồng ngô, trồng quýt, trên khu đất này không có ngôi mộ của dòng họ Nông.

Khu thứ hai có diện tích 736,9 m² (đã trừ khu đất có các ngôi mộ là 96 m² hai bên không tranh chấp), là đất trồng cây lâu năm. Kiểm tra thực địa và hồ sơ địa chính thì khu thứ hai gồm 216,9 m² đất thuộc thửa số 29, tờ bản đồ địa chính số 66, xã TP và 520 m² thuộc một phần của thửa đất số 782, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02, xã TP, tỷ lệ 1/10.000, chưa được quy chủ cho hộ gia đình, cá nhân nào. Hiện trạng ông Đoàn Văn D6 đã trồng các loại cây lâu năm như cây xua, cây mận, cây quýt, cây tre, cây nhãn, khu đất này không có ngôi mộ nào của dòng họ Nông. Việc đo đạc, kiểm đếm cây trồng đã được các bên tranh chấp ký xác nhận tại biên bản xác định ranh giới mốc giới lập ngày 01-12-2015. Diện tích đất tranh chấp các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất ông Nông Văn H4; phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn Lực (con rể ông Đoàn Văn D6); phía Nam giáp đất trường THCS xã TP và phía Bắc giáp đất ông Nông Văn H4.

Theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của UBND huyện TĐ đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt theo Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 29-12-2017, thì khu đất tranh chấp thuộc quy hoạch là đất trồng cây hàng năm khác.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thấy:

Thời điểm trước năm 1959, bố mẹ ông Nông T11 sử dụng 1.514,10 m² đất hiện đang có tranh chấp này để trồng cây hàng năm; sau năm 1959, bố mẹ ông Nông T11 đã không còn canh tác trên diện tích đất này. Quá trình từ năm 1959 đến năm 2013 (hơn 50 năm) diện tích đất này sử dụng chỉ để chôn 05 ngôi mộ và các ngôi mộ này cũng đã được di chuyển sang vị trí khác (năm 1995 di chuyển 03 ngôi mộ, năm 2013 di chuyển nốt 02 ngôi mộ). Do đất để hoang hóa nên diện tích đất này được nhiều người sử dụng canh tác một thời gian sau đó lại không sử dụng nữa, ví dụ như năm 1979, hộ ông Nguyễn Văn V4 có sử dụng đất trồng cây được vài năm sau đó bỏ hoang. Năm 1998, hộ ông Đoàn Văn D6 đến trực tiếp quản lý, sử dụng L tục diện tích đất này cho đến năm 2013 thì xảy ra tranh chấp. Như vậy, phía ông Nông T11 đại diện cho 17 hộ gia đình dòng họ Nông không có quá trình sử dụng đất ổn định theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Phía gia đình ông Đoàn Văn D6 có quá trình sử dụng đất ổn định L tục từ năm 1998 đến nay, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thì hầu hết những người cao tuổi có uy tín sinh sống tại thôn KQ đều xác nhận quá trình sử dụng đất của ông Đoàn Văn D6, kể cả ông Nông T11 cũng thừa nhận quá trình sử dụng đất của ông Đoàn Văn D6 từ năm 1998 đến nay. Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, trường

hợp của ông Đoàn Văn D6 đã đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất, vì có quá trình sử dụng đất ổn định L tục từ trước ngày 01-7-2004, không vi phạm pháp luật về đất đai, việc sử dụng đất phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, phù hợp với kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là đất trồng cây hàng năm khác. Việc ông Nông T11 tranh chấp đòi quyền sử dụng đất là không có cơ sở vì không có quá trình sử dụng đất ổn định, không phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là đất trồng cây hàng năm khác. Do đó, Chủ tịch UBND huyện TĐ ban hành Quyết định số 253 với nội dung bác đơn của ông Nông T11, công nhận quyền sử dụng của ông Đoàn Văn D6 đối với diện tích 1.514,10 m² đất là phù hợp. Theo đó, Quyết định số 2269 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn công nhận nội dung giải quyết tại Quyết định số 253 và bác đơn khiếu nại của ông Nông T11 đại diện cho 17 hộ gia đình dòng họ Nông là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Trên cơ sở đánh giá Quyết định số 253 và Quyết định số 2269 thấy rằng: Mặc dù cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền trong quá trình giải quyết khiếu nại còn có thiếu sót về thời hạn hòa giải, thời hạn giải quyết tranh chấp đất đai, thời hạn giải quyết khiếu nại, trích yếu nội dung Quyết định số 253 về việc giải quyết đơn của ông Nông T11 trú tại thôn KQ, xã TP, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn là chưa đầy đủ, chưa nêu rõ bản chất vụ việc thuộc tranh chấp đất đai. Tuy nhiên, những thiếu sót nêu trên không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết tranh chấp và không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nội dung Quyết định số 253 công nhận quyền sử dụng của ông Đoàn Văn D6 đối với diện tích 1.514,1 m² đất và Quyết định số 2269 bác đơn khiếu nại của ông Nông T11 đại diện cho 17 hộ gia đình họ Nông là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc N là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù có kháng cáo nhưng ông Nông Ngọc N không xuất trình được căn cứ mới, các căn cứ ông N trình bày đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nông Ngọc N. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Về án phí: Mặc dù Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm nhưng do ông Nông Ngọc N là người cao tuổi (trên 70 tuổi) nên không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T9òng vụ Q1 hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Ngọc N.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[2]. Ông Nông Ngọc N không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hồng Sơn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam

T16 Duy Nhiệm

Võ Hồng Sơn

